

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (DỰ PHÒNG)
Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: DAC0022

Tên học phần: Kế toán tài chính

Mã nhóm lớp học phần: 231_DAC0022_01, 02

Thời gian làm bài (phút): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm + Tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có (**Chỉ sử dụng tài liệu giấy**) Không

Cách thức nộp bài phần tự luận: Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 ĐIỂM): (10 câu x 0,4 điểm/câu)

Câu 01: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Số dư chi tiết các khoản phải thu khách hàng tại công ty B ngày 31/12/N như sau: TK 131-X (dư Nợ) 50.000.000 đồng, TK 131-Y (dư Nợ) 100.000.000 đồng, TK 131-Z (dư Có) 30.000.000 đồng. Biết các khoản trên đều có thời hạn thanh toán trong năm N+1, thông tin trên được trình bày trên BCĐKT cuối tháng 12/N như thế nào?

- A. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 150.000.000 đồng
- B. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 120.000.000 đồng
- C. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền 120.000.000 đồng
- D. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền 150.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu:

Số dư chi tiết các khoản phải thu khách hàng tại công ty A ngày 31/12/N như sau: TK 131-X (dư Nợ) 50.000.000 đồng, TK 131-Y (dư Nợ) 100.000.000 đồng, TK 131-Z (dư Có) 30.000.000 đồng. Biết các khoản trên đều có thời hạn thanh toán trong năm N+3, thông tin trên được trình bày trên BCĐKT cuối tháng 12/N như thế nào?

- A. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền 150.000.000 đồng

B. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 120.000.000 đồng

C. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền 120.000.000 đồng

D. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 150.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 02: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Ngày 15/09/N, kế toán nhận được phiếu báo hỏng máy chấm công ở cửa hàng có trị giá 15.000.000 đồng, thời gian phân bổ 6 tháng bắt đầu từ tháng 6/N kèm theo phiếu thu tiền 1.000.000 đồng từ việc thanh lý CCDC này. Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 641 Nợ TK 111 Có TK 242	6.500.000 1.000.000 7.500.000	B. Nợ TK 641 Nợ TK 111 Có TK 242	14.000.000 1.000.000 15.000.000
C. Nợ TK 641 Nợ TK 111 Có TK 153	6.500.000 1.000.000 7.500.000	D. Nợ TK 641 Nợ TK 111 Có TK 153	14.000.000 1.000.000 15.000.000

ANSWER: A

Câu:

Ngày 15/09/N, kế toán nhận được phiếu báo hỏng máy chấm công ở cửa hàng có trị giá 15.000.000 đồng, thời gian phân bổ 6 tháng bắt đầu từ tháng 5/N kèm theo phiếu thu tiền 1.000.000 đồng từ việc thanh lý CCDC này. Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 641 Nợ TK 111 Có TK 242	4.000.000 1.000.000 5.000.000	B. Nợ TK 641 Nợ TK 111 Có TK 242	14.000.000 1.000.000 15.000.000
C. Nợ TK 641 Nợ TK 111 Có TK 153	4.000.000 1.000.000 5.000.000	D. Nợ TK 641 Nợ TK 111 Có TK 153	14.000.000 1.000.000 15.000.000

ANSWER: ANSWER: A

Câu 03: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu:

Ngày 01/7/N, công ty A mua trả góp một thiết bị dùng tại phòng kinh doanh với thời gian sử dụng ước tính 8 năm, giá mua trả tiền ngay chưa thuế 600.000.000đ, thuế GTGT 10%, lãi trả góp (không chịu thuế GTGT) là 45.000.000đ. Thời gian trả góp trong 24 tháng. Giả sử công ty tính thuế GTGT theo PP khấu trừ thuế. Hao mòn lũy kế của TSCĐ trên BCĐKT tại ngày 31/12/N+2 bằng bao nhiêu?

- A. 187.500.000 đồng
- B. 150.000.000 đồng
- C. 181.250.000 đồng
- D. 412.500.000 đồng

ANSWER: A

Câu:

Ngày 01/10/N, công ty A mua trả góp một thiết bị dùng tại phòng kinh doanh với thời gian sử dụng ước tính 8 năm, giá mua trả tiền ngay chưa thuế 600.000.000đ, thuế GTGT 10%, lãi trả góp (không chịu thuế GTGT) là 45.000.000đ. Thời gian trả góp trong 24 tháng. Giả sử công ty tính thuế GTGT theo PP khấu trừ thuế. Hao mòn lũy kế của TSCĐ trên BCĐKT tại ngày 31/12/N+2 bằng bao nhiêu?

- A. 168.750.000 đồng
- B. 150.000.000 đồng
- C. 187.500.000 đồng
- D. 431.250.000 đồng

ANSWER: A

Câu 04: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Ngày 21/12/N, công ty chuyển khoản 70.000.000 đồng cho người bán A để ứng trước tiền mua hàng trong tháng sau. Kế toán định khoản:

A. Nợ TK 331 70.000.000	B. Nợ TK 156 70.000.000
Có TK 112 70.000.000	Có TK 112 70.000.000
C. Nợ TK 112 70.000.000	D. Nợ TK 112 70.000.000
Có TK 131 70.000.000	Có TK 511 70.000.000

ANSWER: A

Câu:

Ngày 21/12/N, khách hàng A chuyển khoản 70.000.000 đồng để ứng trước tiền mua hàng trong tháng sau. Kế toán định khoản:

A. Nợ TK 112	70.000.000	B. Nợ TK 156	70.000.000	
	Có TK 131	70.000.000	Có TK 112	70.000.000
C. Nợ TK 331	70.000.000	D. Nợ TK 112	70.000.000	
	Có TK 112	70.000.000	Có TK 511	70.000.000

ANSWER: A

Câu 05: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Ngày 15/12/N, công ty A nhận được hóa đơn điều chỉnh giảm giá từ người bán B cho lô nguyên vật liệu mua ngày 1 với tổng số tiền giảm giá 1.210.000 đồng (bao gồm cả phần thuế GTGT giảm 10%), cần trừ vào công nợ. Biết công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, lô nguyên vật liệu trên hiện vẫn còn tồn kho. Kế toán công ty A sẽ định khoản tại ngày 15/12/N:

A. Nợ TK 331	1.210.000	B. Nợ TK 331	1.331.000	
	Có TK 152	1.100.000	Có TK 152	1.210.000
	Có TK 1331	110.000	Có TK 1331	121.000
C. Nợ TK 521	1.100.000	D. Nợ TK 521	1.210.000	
	Nợ TK 3331	110.000	Nợ TK 3331	121.000
	Có TK 131	1.210.000	Có TK 131	1.331.000

ANSWER: A

Câu:

Ngày 15/12/N, công ty A nhận được hóa đơn điều chỉnh giảm giá từ người bán B cho lô nguyên vật liệu mua ngày 1 với tổng số tiền giảm giá 1.210.000 đồng (bao gồm cả phần thuế GTGT giảm 10%), cần trừ vào công nợ. Kế toán công ty B sẽ định khoản tại ngày 15/12/N:

A. Nợ TK 521	1.100.000	B. Nợ TK 331	1.331.000	
	Nợ TK 3331	110.000	Có TK 152	1.210.000
	Có TK 131	1.210.000	Có TK 1331	121.000
C. TK 331	1.210.000	D. Nợ TK 521	1.210.000	

Có TK 152	1.100.000	Nợ TK 3331	121.000
Có TK 1331	110.000	Có TK 131	1.331.000

ANSWER: A

Câu 06: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Ngày 01/09/N, công ty M chuyên khoản đồng để mua 3 tờ kỳ phiếu có thời hạn 12 tháng với giá 15.000.000đ/tờ, mệnh giá 10.000.000đ, lãi suất 12%/năm, lãi nhận sau 6 tháng/lần, biết số kỳ phiếu này nắm giữ nhằm mục đích thương mại. Kế toán định khoản:

A. Nợ TK 1212	45.000.000	B. Nợ TK 1281	45.000.000
Có TK 112	45.000.000	Có TK 112	45.000.000
C. Nợ TK 1212	30.000.000	D. Nợ TK 1281	30.000.000
Có TK 112	30.000.000	Có TK 112	30.000.000

ANSWER: A

Câu: Ngày 01/09/N, công ty M chuyên khoản mua 100 trái phiếu do công ty B phát hành với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.200.000đ/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 12%/năm, lãnh lãi khi đáo hạn. Kế toán định khoản:

A. Nợ TK 1282	120.000.000	B. Nợ TK 1212	120.000.000
Có TK 112	120.000.000	Có TK 112	120.000.000
C. Nợ TK 1282	100.000.000	D. Nợ TK 1212	100.000.000
Có TK 112	100.000.000	Có TK 112	100.000.000

ANSWER: A

Câu 07: Random 1 trong 2 câu dưới đây**Câu:**

Ngày 01/10/N, công ty M phát hành thêm 100.000 cổ phiếu phổ thông để huy động vốn với giá phát hành 8.500 đồng/cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, đã nhận được giấy báo Có của ngân hàng. Kế toán ghi nhận bút toán phát hành thêm cổ phiếu như sau:

A. Nợ TK 1121	850.000.000	B. Nợ TK 1121	850.000.000
Nợ TK 4112	150.000.000	Có TK 4111	850.000.000
Có TK 4111	1.000.000.000		

C. Nợ TK 1121	1.000.000.000	D. Nợ TK 1121	1.000.000.000	
	Có TK 4111	1.000.000.000	Có TK 4111	850.000.000
			Có TK 4112	150.000.000

ANSWER: A

Câu: Ngày 01/10/N, công ty E phát hành thêm 100.000 cổ phiếu phổ thông để huy động vốn với giá phát hành 13.000 đồng/cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, đã nhận được giấy báo Có của ngân hàng. Kế toán ghi nhận bút toán phát hành thêm cổ phiếu như sau:

A. Nợ TK 1121	1.300.000.000	B. Nợ TK 1121	1.300.000.000	
	Có TK 4111	1.000.000.000	Có TK 4111	1.300.000.000
	Có TK 4112	300.000.000		
C. Nợ TK 1121	1.000.000.000	D. Nợ TK 1121	1.000.000.000	
	Có TK 4111	1.000.000.000	Nợ TK 4112	300.000.000
			Có TK 4111	1.300.000.000

ANSWER: A

Câu 08: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Khoản chiết khấu cho khách hàng hưởng khi thanh toán tiền hàng sớm sẽ làm cho:

- A. Chi phí tài chính tăng
- B. Chi phí bán hàng tăng
- C. Khoản giảm trừ doanh thu tăng
- D. Chi phí khác tăng

ANSWER: A

Câu: Khoản chiết khấu doanh nghiệp được hưởng do thanh toán tiền hàng sớm cho người bán sẽ làm cho:

- A. Doanh thu hoạt động tài chính tăng
- B. Chi phí bán hàng tăng
- C. Chi phí tài chính tăng
- D. Thu nhập khác tăng

ANSWER: A

Câu 09: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu:

Ngày 01/08/N, công ty M chuyển khoản mua 50 tờ kỳ phiếu ngân hàng B mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn, kỳ hạn 12 tháng, giá mua 1.300.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ, lãi suất 12%/năm trả ngay khi mua. Bút toán điều chỉnh để phân bổ lãi kỳ phiếu vào cuối tháng 08/N là:

A. Nợ TK 3387 500.000 Có TK 515 500.000	B. Nợ TK 1388 6.000.000 Có TK 515 6.000.000
C. Nợ TK 3387 6.000.000 Có TK 515 6.000.000	D. Nợ TK 1388 500.000 Có TK 515 500.000

ANSWER: A

Câu:

Ngày 01/08/N, công ty E chuyển khoản mua 50 tờ kỳ phiếu ngân hàng B mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn, kỳ hạn 12 tháng, giá mua 1.500.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ, lãi suất 12%/năm trả ngay khi mua. Phát biểu nào sau đây là Sai?

- A. Ngày 01/08/N, kế toán ghi nhận doanh thu tài chính tăng 6.000.000 đồng
- B. Ngày 01/08/N, kế toán ghi nhận doanh thu chưa thực hiện tăng 6.000.000 đồng
- C. Ngày 01/08/N, kế toán ghi nhận tiền gửi ngân hàng giảm 69.000.000 đồng
- D. Ngày 01/08/N, kế toán ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư 75.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu:

Ngày 02/3/N, khách hàng A xuất trả 5 sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng, biết thông tin chi tiết có liên quan như sau: DN đã bán 20 sản phẩm tại ngày 28/2/N với đơn giá bán chưa thuế 10.000.000 đồng/sản phẩm, thuế suất GTGT được khấu trừ 10%, điều kiện thanh toán 1/10, n/30 theo phương thức trả chậm. Số tiền còn phải thu của khách hàng A sau nghiệp vụ trả lại hàng bán được xác định bằng bao nhiêu?

- A. 165.000.000 đồng
- B. 145.000.000 đồng
- C. 150.000.000 đồng
- D. 170.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu:

Công ty A xuất trả 8 sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng, biết thông tin chi tiết có liên quan như sau: công ty đã mua 20 sản phẩm từ tháng trước với đơn giá mua chưa thuế 10.000.000 đồng/sản phẩm, thuế suất GTGT được khấu trừ 10%, điều kiện thanh toán 1/10, n/30 theo phương thức trả chậm. Số tiền còn phải trả cho người bán sau nghiệp vụ trả lại hàng mua được xác định bằng bao nhiêu?

A. 132.000.000 đồng

B. 140.000.000 đồng

C. 112.000.000 đồng

D. 120.000.000 đồng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Một số thông tin kế toán tại công ty cổ phần Anh Minh chuyên sản xuất, kinh doanh mặt hàng A.

Tài liệu 1: Một số chính sách tại công ty

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Tài liệu 2: Số dư ngày 1/11/N của một số tài khoản như sau

<i>Số dư</i>	<i>Thông tin có liên quan</i>
TK 152-X 100.000.000 đồng	500 kg vật liệu X * 200.000 đồng/kg
TK 2111: 800.000.000 đồng	Bao gồm: một dây chuyền sản xuất có thời gian sử dụng ước tính là 10 năm
TK 2141: 80.000.000 đồng	Khấu hao lũy kế của dây chuyền sản xuất tính tới ngày 1/11/N
TK 331_M: 30.000.000 đồng (Dư Nợ):	Ứng trước tiền người bán M cho hợp đồng số HDO01 về việc mua 1.000kg nguyên vật liệu X, giá mua chưa thuế GTGT là 210.000

	đồng/kg, thuế suất GTGT 10%, giao hàng vào ngày 5/11/N).
--	--

- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 11/N.

1.a.1. Ngày 1/11, chuyển khoản mua một máy phát điện với giá mua chưa thuế 24.000.000 đồng, thuế suất thuế GTGT 10%, sử dụng ngay tại cửa hàng, thời gian phân bổ hợp lý cho máy này là 24 tháng, bắt đầu từ tháng này. **(0,5 điểm)**

1.a.2. Ngày 5/11, nhận được toàn bộ lô nguyên vật liệu X theo hợp đồng HDO01 từ người bán M, công ty đã nhập kho đủ và chưa thanh toán số tiền còn nợ **(0,5 điểm)**

1.a.3. Ngày 7/11, chuyển khoản trả hết số tiền còn nợ cho người bán M sau khi được trừ 1% chiết khấu trên tổng số tiền còn nợ do thanh toán sớm. **(0,5 điểm)**

1.a.4. Ngày 14/11, công ty mua trả góp một thiết bị sản xuất với giá mua trả ngay chưa thuế GTGT là 400.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%, lãi trả góp không chịu thuế là 40.000.000 đồng. Công ty chuyển khoản trả trước 80.000.000 đồng, phần còn lại sẽ bắt đầu trả góp trong 18 tháng, bắt đầu từ tháng sau. Thiết bị trên có thời gian sử dụng ước tính 10 năm **(1,0 điểm)**

1.a.5. Ngày 15/11, công ty chuyển khoản mua 40.000 cổ phiếu của công ty Z trên thị trường chứng khoán với mục đích kinh doanh, với giá mua 15.000 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Phí môi giới 0.6% trên giá mua đã thanh toán bằng tiền mặt **(1,0 điểm)**

1.a.6. Ngày 21/11, xuất kho 1.000 kg nguyên vật liệu X để sản xuất sản phẩm. **(0,5 điểm)**

1.a.7. Ngày 25/11, công ty phát hành 1.000.000 cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, giá phát hành 9.000 đồng/cổ phiếu, thu bằng chuyển khoản. Chi phí phát hành 0,2% trên giá phát hành, thanh toán bằng tiền chuyển khoản. **(1,0 điểm)**

1.a.8. Ngày 30/11, kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ tại phân xưởng sản xuất. **(0,5 điểm)**

1.a.9. Ngày 30/11, kế toán phân bổ chi phí sử dụng cho công cụ nhiều kỳ. **(0,5 điểm)**

Đáp án (6,0 điểm)

1.a.1. (0,5 điểm)

NỢ TK 242 24.000.000

1.a.8. (0,5 điểm)

KHẤU HAO CẢN TRÍCH = (800.000.000/10x12)+(400.000.000x17ngày/8x12x30) = 9.027.778

NỢ TK 6274 9.027.778

CÓ TK 2141 9.027.778

1.a.9. (0,5 điểm)

NỢ TK 6413 1.000.000 (=24.000.000/24 THÁNG)

CÓ TK 242 1.000.000

Ngày biên soạn: 6/11/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

Giảng viên phản biện đề thi: ThS. Lê Ngọc Anh

Ngày kiểm duyệt:

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: NCS.ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhật Linh (**0918.01.03.09**).

Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.